

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán SCL2026
Danh mục: Đường dây 220kV 271 Formosa- 271 Ba Đồn
Hạng mục: Thay cách điện 23 vị trí: 91-112, XPT

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 2

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-HĐTV ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Truyền tải điện 2;

Căn cứ quyết định số 264/QĐ-EVNNPT ngày 27/12/2024 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia về việc “Ban hành Quy định về Sửa chữa lớn tài sản cố định trong Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia”;

Xét nội dung phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa lớn năm 2026; Danh mục: Đường dây 220kV 271 Formosa- 271 Ba Đồn; Hạng mục: Thay cách điện 23 vị trí: 91-112, XPT do Truyền tải điện Quảng Bình lập kèm theo tờ trình số 242/TTr-QB ngày 07/03/2025;

Căn cứ thực trạng chuỗi cách điện của tuyến Đường dây 220kV 271 Formosa- 271 Ba Đồn;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Kỹ thuật, Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa đường dây 220kV 271 Formosa- 271 Ba Đồn với nội dung chính như sau:

Thay cách điện 23 vị trí: 91-112, XPT.

a. Giải pháp kỹ thuật

- Thay thế các chuỗi cách điện composite hiện hữu bị phát nhiệt bất thường trong vận hành có nguy cơ gây sự cố đường dây bằng chuỗi cách điện thủy tinh có cùng thông số với thông số thiết kế của đường dây 220kV 271 Formosa- 271 Ba Đồn, cụ thể như sau:

+ Tổng chiều dài đường rò của chuỗi : $\geq 7502\text{mm}$;

- + Tải trọng chuỗi néo kép NK-1: cách điện $\geq 2 \times 160 \text{kN}$; phụ kiện chuỗi cách điện $\geq 160 \text{kN}$;
 - + Tải trọng chuỗi đỡ đơn ĐĐ-1, ĐĐ-1a: cách điện $\geq 120 \text{kN}$; phụ kiện chuỗi cách điện $\geq 120 \text{kN}$
 - + Tải trọng chuỗi đỡ kép ĐK-1, ĐK-1a: cách điện $\geq 2 \times 120 \text{kN}$; phụ kiện chuỗi cách điện $\geq 160 \text{kN}$;
 - + Khoảng cách mở phóng : $\geq 1800 \text{mm}$;
 - + Tổng chiều dài chuỗi cách điện néo (kể cả phụ kiện) : $4045 \div 4075 \text{mm}$
 - + Tổng chiều dài chuỗi cách điện đỡ kép (kể cả phụ kiện) : 3020 mm
 - + Tổng chiều dài chuỗi cách điện đỡ đơn, đỡ lèo (kể cả phụ kiện) : 2860 mm
- Quá trình thực hiện không được làm thay đổi khoảng cách pha – đất của đường dây.

* Thông số kỹ thuật chính của bát cách điện thay thế (hoặc loại tương đương):

Mã hiệu cách điện	U160BSP	U120BP
Tải trọng phá hủy nhỏ nhất (kN)	160	120
Đường kính tán (mm)	320	280
Chiều cao bát (mm)	146	146
Chiều dài đường rò (mm)	545	445
Kích thước ty (mm)	20	16
Điện áp chịu đựng tần số công nghiệp (kV)		
- Khô trong 01 phút	90	85
- Ướt trong 01 phút	55	50
Điện áp chịu đựng xung sét (kV)	140	125
Khối lượng bát cách điện (kg)	8,3	5,6
Tổng số lượng cách điện	756	1020

b. Khối lượng vật tư sử dụng:

- Chuỗi cách điện thủy tinh néo kép NK-1 : **27** chuỗi (bao gồm cả phụ kiện chuỗi cách điện, 2×14 bát U160/chuỗi, dùng cho dây dẫn ACSR400/51).
- Chuỗi cách điện thủy tinh đỡ đơn ĐĐ-1 : **15** chuỗi (bao gồm cả phụ kiện chuỗi cách điện, 17 bát U120/chuỗi, dùng cho dây dẫn ACSR400/51).
- Chuỗi cách điện thủy tinh đỡ đơn ĐĐ-1a : **33** chuỗi (bao gồm cả phụ kiện chuỗi cách điện, 17 bát U120/chuỗi, dùng cho dây dẫn ACSR400/51).
- Chuỗi cách điện thủy tinh đỡ kép ĐK-1 : **06** chuỗi (bao gồm cả phụ kiện chuỗi cách điện, 2×17 bát U120/chuỗi, dùng cho dây dẫn ACSR400/51).

(Chi tiết các chuỗi cách điện như bản vẽ đính kèm phương án kỹ thuật do TTD Quảng Bình lập)

c. Khối lượng vật tư thu hồi: Như phương án đơn vị lập

d. Khối lượng thực hiện:

- Thay thế chuỗi cách điện néo composite bằng chuỗi cách điện (thủy tinh) néo kép NK-1 (2x14 bát, cao < 40m) : 27 chuỗi
 - Thay thế chuỗi cách điện đỡ đơn composite bằng chuỗi cách điện (thủy tinh) đỡ đơn (1x17 bát, cao < 40m) : 48 chuỗi
 - Thay thế chuỗi cách điện đỡ kép composite bằng chuỗi cách điện (thủy tinh) đỡ kép (2x17 bát, cao < 40m) : 6 chuỗi
- (Vị trí các chuỗi cách điện cần thay thế như phụ lục đính kèm)

e. Vận chuyển vật tư

- Vận chuyển bằng cơ giới vật tư từ kho Công ty đến kho Truyền tải: khối lượng 15.43 tấn, cự ly vận chuyển 270km, đường loại 2.
- Vận chuyển bằng cơ giới vật tư từ kho Truyền tải đến điểm tập kết: khối lượng 15.43 tấn, cự ly vận chuyển 1,45km, đường loại 2.
- Vận chuyển bằng thủ công vật tư từ điểm tập kết đến vị trí công tác: khối lượng bình quân 671kg/vị trí, cự ly trung bình 74m, độ dốc <15⁰.
- Vận chuyển bằng thủ công vật tư thu hồi từ vị trí công tác về điểm tập kết: khối lượng bình quân 181kg/vị trí, cự ly trung bình 74m, độ dốc <15⁰.
- Vận chuyển bằng cơ giới vật tư thu hồi từ điểm tập kết về kho Truyền tải: khối lượng 4.15 tấn, cự ly vận chuyển 1,45km, đường loại 2.
- Vận chuyển bằng thủ công dụng cụ thi công từ điểm tập kết đến vị trí công tác: khối lượng bình quân 500kg/vị trí, cự ly trung bình 148m (cả đi và về), độ dốc <15⁰.
- Vận chuyển bằng cơ giới dụng cụ thi công (cả đi và về) từ điểm tập kết đến vị trí công tác: khối lượng 11.5 tấn, cự ly 67km, đường cấp 2.

f. Nhân lực thực hiện: Đơn vị ngoài thực hiện, Truyền tải điện Quảng Bình giám sát thi công.

g. Phê duyệt dự toán:

- Giá trị dự toán phê duyệt là: **2.609.015.005 đồng**. Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	2.484.776.195 đồng
+ Chi phí Dự phòng	124.238.810 đồng
<i>Người thẩm tra</i>	<i>Phạm Quyền Trung</i>

(Chi tiết như phụ lục kèm theo).

- Nguồn vốn: Chi phí sửa chữa lớn năm 2026.
- Các khoản chi cho công trình phải đầy đủ chứng từ hợp lệ, khi thanh toán phải căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng thực tế và các quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.

Điều 2. Các Ông Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật, Tài chính và Kế toán, Vật tư, Đầu tư Xây dựng, Điều độ và Giám đốc Truyền tải điện Quảng Bình căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, KH, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Duy Dũng

INPT\TRANNGOCTAM(Trần Ngọc Tâm) 28/10/2025 09

PHỤ LỤC: CHI TIẾT CÁC VỊ TRÍ CẦN THAY CÁCH ĐIỆN

TT	Vị trí	Loại chuỗi thay thế	Số lượng	Ghi chú
1	91	ĐĐ-1a	3	
2	92	Nk-1	6	
3	93	ĐĐ-1	3	
4	94	ĐĐ-1	3	
5	95	ĐĐ-1a	3	
6	96	ĐĐ-1a	3	
7	97	ĐĐ-1a	3	
8	98	ĐĐ-1a	3	
9	99	ĐĐ-1a	3	
10	100	ĐĐ-1a	3	
11	101	Nk-1	6	
12	102	ĐĐ-1a	3	
13	103	ĐĐ-1a	3	
14	104	ĐĐ-1a	3	
15	105	ĐĐ-1	3	
16	106	ĐK-1	3	
17	107	ĐĐ-1	3	
18	108	ĐK-1	3	
19	109	ĐĐ-1	3	
20	110	ĐĐ-1a	3	
21	111	Nk-1	6	
22	112	Nk-1	6	
23	XPT	NK-1	3	